

Bản án số:17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiềm

2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKKH: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh B;

Nơi ở: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* anh Nông Văn Q, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2022, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày: Chị và anh Nông Văn Q kết hôn tháng 12 năm 2014, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh Q, vợ chồng ở tại thôn Ch, xã L. Vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 5 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế, anh Q không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh Q thay đổi, chị và anh Q đã ly thân từ tháng 10 năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nông Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2015. Hiện con chung đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Q có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nông Bảo Ngọc, sinh ngày 19/10/2015, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nông Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến về việc chị Q xin ly hôn với anh và yêu cầu giải quyết về con chung, tại phiên tòa anh Q vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Nông Văn Q.

Về con chung: giao cho chị Q nuôi dưỡng con chung là Nông Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2015, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về án phí: chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Q có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết về con chung là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh Q kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế của anh Q gặp khó khăn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 10 năm 2021, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Q. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh Q kết hôn với chị Hoàng Thị Q năm 2014, sau khi kết hôn chị Q về làm dâu gia đình anh Q. Quá trình vợ chồng chị Q, anh Q chung sống mâu thuẫn địa phương không rõ, khoảng giữa năm 2022 chị Q đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến nay chị Q xin ly hôn anh Q đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị H làm mẹ đẻ của anh Q cho biết vợ chồng chị Q, anh Q chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do công việc làm ăn của anh Q gặp nhiều khó khăn, anh Q đi làm ăn xa. Đến giữa năm 2022 chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố T, thị trấn C. Sau khi chị Q về nhà bố mẹ ở anh Q và gia đình đã động viên, khuyến bảo chị Q về đoàn tụ nhưng chị Q không về. Hội đồng xét xử thấy, chị Q và anh Q đã sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Q được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Q và anh Q có một con chung là Nông Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2015. Vợ chồng ly hôn, chị Q xin được nuôi dưỡng con chung, chị Q không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương và bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Q đều xác nhận chị Q và anh Q có một con chung hiện đang ở với chị Q. Hội đồng xét xử thấy: chị Q và anh Q có một con chung là Nông Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2015 chưa thành niên, chị Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ng. Chị Q hiện làm công nhân có thu nhập 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu Ng có nguyện vọng được ở với chị Q, hiện cháu Ng đang do chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu Ng nên cần giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Q tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Q không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Nông Văn Q.

2. Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị Q nuôi dưỡng con chung là Nông Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2015. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011944 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Hoàng Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh